

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1554/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21-9-2020

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhanh

2. Ông Trần Văn Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 21/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4467/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Đăng K, sinh năm 1989

Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thanh Hà M, sinh năm 1986

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ: X, Japan.

Các đương sự đều có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của ông Lê Đăng K:

Ông và bà Lê Thanh Hà M, sinh năm 1986 tự nguyện kết hôn vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, vào sổ đăng ký kết hôn số 38, quyển số 01/2015.

Sau khi kết hôn, thời đầu ông và bà M chung sống hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm và lối sống hàng ngày. Năm 2017, bà M qua Nhật Bản sinh sống và làm việc còn ông vẫn ở lại Việt Nam. Từ

khi qua Nhật Bản đến nay thì giữa ông và bà M thỉnh thoảng có liên lạc để vun đắp tình cảm vợ chồng, giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Do không có điều kiện gặp nhau để hàn gắn tình cảm nên tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không giải quyết được, khả năng đoàn tụ lại không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị được ly hôn với bà Lê Thanh Hà M ổn định cuộc sống.

Con chung: Ông và bà M có 01 con chung là Lê Dạ Minh C, sinh ngày 01/6/2015, giới tính: Nữ. Ông đồng ý giao con chung cho bà M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và ông cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng mỗi tháng.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn là bà Lê Thanh Hà M trình bày:

Tại đơn xin xét xử vắng mặt của bà Lê Thanh Hà M đã được chứng nhận chữ ký tại Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Fukuoka, Nhật Bản ngày 02/6/2020 có nội dung:

Bà và ông Lê Đăng K tự nguyện quen biết và xây dựng gia đình năm 2015 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 6 năm 2015, vào sổ đăng ký kết hôn số 38 quyển số 01/2015. Sau khi kết hôn, thời gian đầu bà và ông K chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên năm 2017 bà và ông K sống xa nhau, bà qua Nhật Bản sinh sống và làm việc.

Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông K đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, bà cũng đồng ý để hai bên có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Bà và ông K có 01 con chung là Lê Dạ Minh C, sinh ngày 01/6/2015, giới tính: Nữ. Bà đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành. Bà đồng ý ông K cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng mỗi tháng.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Lê Đăng K đang cư trú tại Việt Nam có đơn xin ly hôn với bà Lê Thanh Hà M hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ông Lê Đăng K có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án; Bà Lê Thanh Hà M có đơn xin xét xử vắng mặt đã được chứng nhận chữ

ký tại Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Fukuoka, Nhật Bản ngày 02/6/2020 nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của ông Lê Đăng K, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Lê Đăng K và bà Lê Thanh Hà M vào sổ đăng ký kết hôn số 38 quyển số 01/2015 ngày 30 tháng 6 năm 2015 thì hôn nhân giữa ông K và bà M là hôn nhân hợp pháp.

Ông K yêu cầu được ly hôn bà M vì những mâu thuẫn bất đồng về quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, lại không có thời gian gần gũi nhau trong cuộc sống, cả hai bên cũng thừa nhận không thể giải quyết bất đồng và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì thời gian xa cách kéo dài, hoàn cảnh mỗi người mỗi nơi nên không có điều kiện gần gũi, chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị phai nhạt, mâu thuẫn phát sinh, hạnh phúc vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt và bà M cũng đồng ý ly hôn với ông K.

Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau trong khi hai vợ chồng ông K và bà M mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đăng K được ly hôn với bà Lê Thanh Hà M.

Con chung: Ông Lê Đăng K và bà Lê Thanh Hà M khai quá trình chung sống có 01 con chung là Lê Dạ Minh C, sinh ngày 01/6/2015, giới tính: Nữ. Cả hai thống nhất đồng ý giao con chung cho bà Lê Thanh Hà M trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi trưởng thành. Ông Lê Đăng K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ Lê Dạ Minh C đến tuổi trưởng thành.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông K không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như trên thì hàng tháng ông K còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Bà M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông K nếu ông K lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Đăng K và bà Lê Thanh Hà M khai không có.

[3] Án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Lê Đăng K phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Đăng K phải chịu số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[4] Về quyền kháng cáo: Ông Lê Đăng K và bà Lê Thanh Hà M có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Khoản 1 Điều 37, Khoản 1 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86, Điều 87, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Đăng K.

Quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đăng K được ly hôn với bà Lê Thanh Hà M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho ông Lê Đăng K và bà Lê Thanh Hà M không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Giao con chung là trẻ Lê Dạ Minh C, sinh ngày 01/6/2015, giới tính: Nữ cho bà Lê Thanh Hà M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Đăng K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ Lê Dạ Minh C đến tuổi trưởng thành.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông K không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như trên thì hàng tháng ông K còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Bà M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông K nếu ông K lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lê Đăng K phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0091613 ngày 22/5/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Đăng K phải chịu số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

3. Án xử công khai sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày ông Lê Đăng K nhận tổng đạt hợp lệ bản án. Đối với bà Lê Thanh Hà M thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND Phường B, Quận B, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT (Linh/18b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Trang